



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kiều Diễm	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 2 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00252-20-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		184.394.438.797	206.795.663.027
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.615.200.518	55.619.535.660
Tiền	111		13.615.200.518	4.819.535.660
Các khoản tương đương tiền	112		-	50.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	14.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.300.124.369	47.062.954.082
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.581.573.819	43.262.428.816
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.756.436.175	3.107.510.819
Phải thu ngắn hạn khác	136		962.114.375	693.014.447
Hàng tồn kho	140	8(a)	107.954.776.828	88.464.297.201
Hàng tồn kho	141		107.954.776.828	89.336.444.905
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(872.147.704)
Tài sản ngắn hạn khác	150		524.337.082	648.876.084
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		524.337.082	648.391.220
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	484.864
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		710.555.261.776	736.188.567.372
Tài sản cố định	220		642.645.020.043	720.403.584.288
Tài sản cố định hữu hình	221	9	642.645.020.043	720.392.185.035
Nguyên giá	222		1.358.680.104.096	1.351.427.068.888
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(716.035.084.053)	(631.034.883.853)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	11.399.253
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(411.600.747)
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.541.679.935	(1.500.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	24.541.679.935	(1.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	30.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.368.561.798	15.786.483.084
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.139.846.799	4.377.059.369
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		490.464.168	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	7.738.250.831	11.409.423.715
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		894.949.700.573	942.984.230.399

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		251.729.347.338	341.189.924.186
Nợ ngắn hạn	310		251.729.347.338	341.153.919.379
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.159.644.824	34.155.740.138
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		116.416.707	20.731.492
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	77.001.173.685	100.884.163.548
Phải trả người lao động	314		7.508.627.810	10.621.764.436
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	12.803.357.345	10.964.567.316
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	23.346.335.188	11.308.849.054
Vay ngắn hạn	320	17	91.500.000.000	156.394.330.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	12.293.791.779	16.803.773.395
Nợ dài hạn	330		-	36.004.807
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	36.004.807
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		643.220.353.235	601.794.306.213
Vốn chủ sở hữu	410	19	643.220.353.235	601.794.306.213
Vốn cổ phần	411	20	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.620.102.963	115.194.055.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.564.055.941	23.194.935.562
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		141.056.047.022	91.999.120.379
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		894.949.700.573	942.984.230.399

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	1.122.037.241.085	1.056.773.167.821
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.925.889.526	700.143.824
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.120.111.351.559	1.056.073.023.997
Giá vốn hàng bán	11	25	931.694.976.632	915.416.590.366
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		188.416.374.927	140.656.433.631
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.077.917.038	1.062.517.949
Chi phí tài chính	22	27	4.433.016.819	9.868.941.217
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.801.747.556</i>	<i>9.528.117.773</i>
Chi phí bán hàng	25	28	9.944.567.633	8.857.977.872
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	15.385.814.980	15.889.555.906
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		161.730.892.533	107.102.476.585
Thu nhập khác	31		2.739.534.484	2.337.758.099
Chi phí khác	32		1.931.400.631	1.534.127.831
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		808.133.853	803.630.268
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		162.539.026.386	107.906.106.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	12.324.666.568	8.288.426.066
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(490.464.168)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		150.704.823.986	99.617.680.787
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.135	2.044

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	162.539.026.386	107.906.106.853
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	85.011.599.453	83.716.573.749
Các khoản dự phòng	03	5.631.770.902	908.152.511
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(401.168)	(12.179.492)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.103.560.716)	(748.020.499)
Chi phí lãi vay	06	3.801.747.556	9.528.117.773
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	254.880.182.413	201.298.750.895
Biến động các khoản phải thu	09	2.676.511.668	16.288.799.514
Biến động hàng tồn kho	10	(21.487.082.452)	(24.063.484.843)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(34.316.780.739)	9.500.224.358
Biến động chi phí trả trước	12	(638.733.292)	2.015.110.943
		201.114.097.598	205.039.400.867
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.822.767.210)	(9.643.321.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.139.499.087)	(8.962.302.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.780.000	20.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.205.339.086)	(4.969.485.814)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	171.949.272.215	181.484.290.875
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(34.587.653.113)	(36.294.484.334)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	109.090.909
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(44.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	15.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.318.481.263	941.334.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.269.171.850)	(50.244.058.765)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	539.790.627.160	862.374.009.307
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(604.684.957.160)	(906.058.663.917)
Tiền chi trả cổ tức	36	(86.790.047.827)	(93.986.904.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(151.684.377.827)	(137.671.559.410)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(42.004.277.462)	(6.431.327.300)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	55.619.535.660	62.050.923.517
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(57.680)	(60.557)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	13.615.200.518
		55.619.535.660	

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Người lập:


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 196 nhân viên (1/1/2019: 198 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 67.335 triệu VND (1/1/2019: 134.358 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 20 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Doanh thu	992.675.383.497	127.435.968.062	1.120.111.351.559
Giá vốn	(835.588.214.123)	(96.106.762.509)	(931.694.976.632)
	157.087.169.374	31.329.205.553	188.416.374.927
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Doanh thu	935.797.979.572	120.275.044.425	1.056.073.023.997
Giá vốn	(822.186.457.598)	(93.230.132.768)	(915.416.590.366)
	113.611.521.974	27.044.911.657	140.656.433.631

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	274.597.888	330.840.561
Tiền gửi ngân hàng	13.340.602.630	4.488.695.099
Các khoản tương đương tiền	-	50.800.000.000
	13.615.200.518	55.619.535.660

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và đáo hạn dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 7,3% một năm (1/1/2019: 6,2% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 8,3% một năm (1/1/2019: Không).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.728.275.300	26.252.241.400
Công ty TNHH Amico Gold	10.008.909.503	2.591.238.360
Elixir Signature Pty Ltd	4.663.008.000	13.056.142.078
Các khách hàng khác	1.181.381.016	1.362.806.978
	43.581.573.819	43.262.428.816

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	27.728.275.300	26.252.241.400

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 tới 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.309.579.000	-
Nguyên vật liệu	33.662.610.384	-	30.188.009.692	(872.147.704)
Công cụ và dụng cụ	8.652.670.453	-	12.710.725.017	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.337.711.621	-	26.666.176.293	-
Thành phẩm	38.301.784.370	-	16.461.954.903	-
	107.954.776.828	-	89.336.444.905	(872.147.704)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 107.955 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2019: 88.464 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	872.147.704	872.147.704
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(872.147.704)	-
Số dư cuối năm	-	872.147.704

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	14.278.174.244	(6.539.923.413)	11.409.423.715	-

Số dư của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2018: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	255.294.029.787	1.085.556.179.215	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.351.427.068.888
Tăng trong năm	-	922.560.000	-	-	-	922.560.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	171.975.208	6.158.500.000	-	-	-	6.330.475.208
Số dư cuối năm	255.466.004.995	1.092.637.239.215	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.358.680.104.096
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	79.143.949.531	543.796.414.334	7.213.986.093	569.633.850	310.900.045	631.034.883.853
Khấu hao trong năm	11.197.342.370	72.924.438.859	805.359.187	55.577.029	17.482.755	85.000.200.200
Số dư cuối năm	90.341.291.901	616.720.853.193	8.019.345.280	625.210.879	328.382.800	716.035.084.053
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	176.150.080.256	541.759.764.881	2.158.697.199	89.642.691	234.000.008	720.392.185.035
Số dư cuối năm	165.124.713.094	475.916.386.022	1.353.338.012	34.065.662	216.517.253	642.645.020.043

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 11.274 triệu VND (1/1/2019: 7.607 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	411.600.747
Khấu hao trong năm	11.399.253
Số dư cuối năm	423.000.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	11.399.253
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 423 triệu VND (1/1/2019: Không) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	(1.500.000)	27.684.480.729
Tăng trong năm	30.873.655.143	31.490.334.675
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.330.475.208)	(59.176.315.404)
Số dư cuối năm	24.541.679.935	(1.500.000)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Dây chuyền chiết lon bia	22.082.866.000	-
Hệ thống xử lý nước thải	2.044.448.116	-
Các công trình khác	414.365.819	(1.500.000)
	24.541.679.935	(1.500.000)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.449.844.693	927.214.676	4.377.059.369
Tăng trong năm	-	3.989.342.545	3.989.342.545
Phân bổ trong năm	(2.032.556.824)	(1.193.998.291)	(3.226.555.115)
Số dư cuối năm	1.417.287.869	3.722.558.930	5.139.846.799

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	7.102.870.910	8.698.473.675
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.819.807.138	11.747.280.002
Công ty TNHH Thái Tấn	4.429.478.160	4.453.660.276
Các nhà cung cấp khác	8.807.488.616	9.256.326.185
	27.159.644.824	34.155.740.138

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.819.807.138	11.747.280.002
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	2.172.564.548	555.000.232
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	61.380.000	61.380.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.131.733.654	884.508.702.795	(904.294.219.564)	67.346.216.885
Thuế giá trị gia tăng	10.889.421.980	187.203.869.164	(191.633.106.418)	6.460.184.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.695.015.459	12.324.666.568	(12.139.499.087)	2.880.182.940
Thuế thu nhập cá nhân	167.992.455	3.448.117.069	(3.301.520.390)	314.589.134
	100.884.163.548	1.087.485.355.596	(1.111.368.345.459)	77.001.173.685

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	8.517.317.423	8.543.372.839
Thù lao Hội đồng Quản trị	941.193.600	459.496.800
Chi phí khác	3.344.846.322	1.961.697.677
	12.803.357.345	10.964.567.316

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	21.340.002.200	9.130.050.027
Phải trả khác	2.006.332.988	2.178.799.027
	23.346.335.188	11.308.849.054

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2019		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	156.394.330.000	539.790.627.160 (604.684.957.160)		91.500.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền		Lãi suất năm		31/12/2019		1/1/2019	
	VND	USD	%	%	VND	USD	VND	USD
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)			5,8%		91.500.000.000			-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi			3,3%				138.546.240.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi			3,5%				17.848.090.000	
					91.500.000.000		156.394.330.000	

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 180.000 triệu VND và được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 107.955 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 88.464 triệu VND) (Thuyết minh 8(a)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.803.773.395	14.105.592.456
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	630.000.000	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	9.648.776.964	7.618.560.408
Tăng khác	-	20.000.000
Sử dụng trong năm	(14.788.758.580)	(4.940.379.469)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	12.293.791.779	16.803.773.395

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	450.000.000.000	29.057.250.272	120.737.935.562	599.795.185.834
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	99.617.680.787	99.617.680.787
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(7.618.560.408)	(7.618.560.408)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.543.000.000	(7.543.000.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	450.000.000.000	36.600.250.272	115.194.055.941	601.794.306.213
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	150.704.823.986	150.704.823.986
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(630.000.000)	(630.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(9.648.776.964)	(9.648.776.964)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	450.000.000.000	36.600.250.272	156.620.102.963	643.220.353.235

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 13 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cho các cổ đông là 99.000 triệu VND (tương đương 2.200 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 (2018: 90.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.697.578.275	939.524.584
Từ hai đến năm năm	6.790.313.099	3.758.098.335
Sau năm năm	39.425.674.066	22.759.661.286
	47.913.565.440	27.457.284.205

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59.312	1.370.031.391	4.828	109.940.399
EUR	682	17.659.543	682	17.681.021
		1.387.690.934		127.621.420

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	94.854.826.004	4.312.000.000
	94.854.826.004	4.312.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019	2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.113.784.711.701	1.048.906.688.889
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.998.293.414.496</i>	<i>1.869.493.787.219</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>884.508.702.795</i>	<i>820.587.098.330</i>
▪ Bán hàng hóa	145.444.920	40.770.000
▪ Bán phế liệu	8.107.084.464	7.825.708.932
	1.122.037.241.085	1.056.773.167.821
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.883.557.936	694.923.824
▪ Hàng bán bị trả lại	42.331.590	5.220.000
	1.925.889.526	700.143.824
Doanh thu thuần	1.120.111.351.559	1.056.073.023.997

25. Giá vốn hàng bán

	2019	2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	925.881.756.003	914.503.672.662
▪ Hàng hoá đã bán	145.444.920	40.770.000
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.667.775.709	872.147.704
	931.694.976.632	915.416.590.366
	931.694.976.632	915.416.590.366

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	2.103.560.716	941.334.660
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	973.955.154	109.003.797
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	401.168	12.179.492
	<hr/>	<hr/>
	3.077.917.038	1.062.517.949
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	3.801.747.556	9.528.117.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	631.269.263	340.823.444
	<hr/>	<hr/>
	4.433.016.819	9.868.941.217
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.205.686.593	6.280.136.237
Chi phí nhân viên	1.937.208.100	1.322.356.697
Chi phí nguyên vật liệu	284.456.875	241.095.444
Chi phí khấu hao	26.196.966	26.196.968
Chi phí bán hàng khác	491.019.099	988.192.526
	<hr/>	<hr/>
	9.944.567.633	8.857.977.872
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.161.148.164	9.549.058.711
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.885.917.330	1.988.617.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.217.114.169	1.544.254.132
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	528.507.050	580.501.219
Chi phí quản lý khác	1.593.128.267	2.227.123.849
	<hr/>	<hr/>
	15.385.814.980	15.889.555.906
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	828.274.038.129	805.555.787.246
Chi phí khấu hao và phân bổ	85.011.599.453	83.716.573.749
Chi phí nhân công và nhân viên	43.359.655.464	36.838.729.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.760.493.572	18.733.973.503
Chi phí khác	4.693.783.103	5.810.645.066
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	12.324.666.568	8.288.426.066
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh chênh lệch tạm thời	(490.464.168)	-
	11.834.202.400	8.288.426.066

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	162.539.026.386	107.906.106.853
Thuế theo thuế suất của Công ty	24.380.853.958	16.185.916.028
Chi phí không được khấu trừ thuế	268.479.179	390.936.104
Ưu đãi thuế	(12.815.130.737)	(8.288.426.066)
	11.834.202.400	8.288.426.066

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	150.704.823.986	99.617.680.787
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.648.776.964)	(7.618.560.408)
	141.056.047.022	91.999.120.379
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	141.056.047.022	91.999.120.379

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.837.860.884.030	1.733.473.077.490
Mua nguyên vật liệu	602.764.035.874	593.178.364.743
Cổ tức	65.890.000.000	59.900.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	2.656.885.044	-
Phí đổi vỏ chai	2.328.000.000	1.204.091.120
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	2.566.667.400	2.333.334.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh Mua nguyên vật liệu	610.700.000	668.050.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung Mua hàng hóa	491.001.980	12.572.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co Mua dịch vụ	182.796.000	140.797.500
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây Mua hàng hoá	88.650.000	40.770.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương Mua hàng hoá	23.138.182	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội Mua nguyên vật liệu	-	31.336.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh Bách Khoa Mua tài sản cố định	6.160.000.000	26.815.568.971
Ban Giám đốc Thù lao	5.697.291.516	4.002.304.000
Cổ tức	1.012.990.000	482.090.000
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Thù lao	2.067.858.374	1.966.740.000
Cổ tức	4.823.522.000	1.966.740.000



34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 2 năm 2020

Người lập:

Người/duyet:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



